

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**

Số: 1478 /NĐCP-KHĐT-VT

V/v quan tâm báo giá vật tư cho Sửa chữa
lớn Hệ thống vận chuyển than"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Kính gửi: Quý công ty

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Chúng tôi hiện nay có nhu cầu Sửa chữa lớn Hệ thống vận chuyển than- Nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả nhằm mục tiêu duy trì sản xuất, đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả.

Qua công văn này, chúng tôi kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm, cung cấp báo giá vật tư phục vụ công việc Sửa chữa lớn Hệ thống vận chuyển than với các thông số và yêu cầu kỹ thuật như phụ lục đính kèm.

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Kế hoạch – Đầu tư – Vật tư tại Văn phòng Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV, tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP.Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Trong trường hợp cần làm rõ thông tin, xin liên hệ Mrs Hà (0901.519.789).

- Thời gian nhận báo giá: Trước 15h ngày 26 tháng 4 năm 2025

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KH-ĐT-VT, ĐTTH.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đương Hồng Hải



PHỤ LỤC BÁO GIÁ

Sửa chữa lớn hệ thống xử lý đá vôi (Đính kèm công văn số 1478 /NĐCP-KHĐTVT
ngày 18 /04/2025)

I. Tên hàng hóa, số lượng, quy cách:

TT	Danh mục công việc	Đơn vị tính	Tổng khối lượng
1	Bánh răng lai xích Z17	Cái	4
2	Biến tần di chuyển: Danfoss; P=22kW (400v)/30HP(460v) input: 3x380-500v;50/60HZ 42/36P	Cái	2
3	Biến tần: Model: N700-220HF, POWER::22Kw/30HP. INPUT: 50/60Hz, 380-480v	Cái	1
4	Bộ lá van cánh lật gồm 2 lá van: KT 920x1120x14mm, chất liệu Mn65.	Bộ	1
5	Bọc cao su ru lô Ø500mm (dày 12mm dạng dải mặt có gân quả trám)	m2	3,611
6	Bọc cao su ru lô Ø220mm (Cao su tấm dày 12mm dạng dải mặt có gân quả trám)	m2	1,58884
7	Bọc cao su ru lô Ø400mm (dày 12mm dạng dải mặt có gân quả trám)	m2	1,44
8	Bọc cao su ru lô Ø500mm (Cao su tấm dày 12mm dạng dải mặt có gân quả trám)	m2	1,4444
9	Bọc cao su ru lô Ø630mm (dày 12mm dạng dải mặt có gân quả trám)	m2	2275
10	Bọc cao su ru lô Ø800mm (Cao su tấm dày 12mm dạng dải mặt có gân quả trám)	m2	5,78
11	Bọc cao su ru lô Ø800mm (Cao su tấm dày 12mm dạng dải mặt có gân quả trám).	m2	2,89
12	Bọc cao su ru lô Ø800mm (dày 12mm dạng dải mặt có gân quả trám)	m2	5,78
13	Bu lông đầu chìm côn phẳng M16x50	Bộ	152
14	Cảm biến chống lệch băng gồm cả tay gạt FSPK-III; AC380V; AC220V; I=2A; I=2,4A	Cái	6
15	Cảm biến đo khoảng cách van cánh lật: U=24-240v, I=5.200mA-15..300mA XS4P300MA230	Cái	2
16	Cảm biến gạt sự cố TYPE; FSSL-III; AC38V; AC220V; I=2A	Cái	10
17	Cao su giảm chấn múp nổi mã hiệu YOXII560	Cái	1
18	Cáp lụa bọc nhựa Ø4 (cáp nối liên động giữa các cảm biến)	m	780
19	Cáp lụa bọc nhựa Ø4mm	Cái	530
20	Con lăn cao su đường hồi: Ø133x1150mm	Cái	5
21	Con lăn cao su giảm chấn Ø133x380 mm	Cái	48
22	Con lăn cao su giảm chấn Ø133x380mm	Cái	18

TT	Danh mục công việc	Đơn vị tính	Tổng khối lượng
23	Con lăn côn chống lệch băng đường hồi Ø240/133x590mm	Cái	20
24	Con lăn côn chống lệch băng Ø240/133x410mm	Cái	10
25	Con lăn trơn chịu tải Ø133x380mm	Cái	100
26	Con lăn trơn dài đường hồi Ø133x1150mm	Cái	10
27	Con lăn xoắn đường hồi Ø133x1150 mm	Cái	4
28	Con lăn Φ200	Cái	1
29	Cụm cảm biến tốc độ: DH-SA, IP54	Cái	1
30	Dầu bánh răng PLC Angla 320 -	Lít	250
31	Gối bi UC212	Cái	4
32	Gối đỡ con lăn Ø220mm, gối bi UC212	Cái	2
33	Gối trục: Gối đỡ SONL 240-540 + 22240 CA/W33 + HA 3140	Cái	1
34	Khoá cáp Ø4	Cái	60
35	Khoá cáp Ø4mm	Cái	60
36	Mỡ SKF LGHP2/5	Kg	0,4
37	Phốt 120x150x12 (môi trường làm việc chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20oC÷200oC)	Cái	1
38	Phốt 150x180x12 (môi trường làm việc chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20oC÷200oC)	Cái	2
39	Phốt chắn mỡ 100x125x12mm	Cái	2
40	Phốt chắn mỡ 120x160x15	Cái	4
41	Phốt chắn mỡ 120x160x15(môi trường làm việc chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20oC÷200oC)	Cái	2
42	Phốt chắn mỡ 160x200x15(môi trường làm việc chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20oC÷200oC)	Cái	2
43	Phốt chắn mỡ 160x200x15(môi trường làm việc chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20oC÷200oC)	cái	2
44	Phốt chắn mỡ 180x220x18 (môi trường làm việc chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20oC÷200oC)	Cái	2
45	Phốt chắn mỡ 200x240x18 (môi trường làm việc chịu nhiệt độ làm việc 20÷2000c	Cái	4
46	Phốt trục đầu ra ru lô chủ động SKF 240x280x18 (môi trường làm việc chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20oC÷200oC)	Cái	4
47	Phốt trục đầu vào hộp giảm tốc SKF 110x140x12 (môi trường làm việc chịu dầu, nhiệt độ làm việc -20oC÷200oC)	Cái	2
48	Ru lô Ø800mm (dày 12mm dạng dải mặt có gân quả trám)	m2	2,27
49	Tấm lót chống mài mòn: KT 300x450x14mm chất liệu Mn65	Tấm	4
50	Tấm lót chống mài mòn: KT 350x550x14mm chất liệu Mn65	Tấm	4

TT	Danh mục công việc	Đơn vị tính	Tổng khối lượng
51	Tấm lót chống mài mòn: KT 370x650x14mm chất liệu Mn65	Tấm	4
52	Tấm lót chống mài mòn: KT 370x720x14mm chất liệu Mn65	Tấm	4
53	Tấm lót chống mài mòn: KT 380x340x14mm chất liệu Mn65	Tấm	10
54	Tấm lót chống mài mòn: KT 450x210x440x14mm chất liệu Mn65	Tấm	4
55	Vòng bi 1: 30320/C3	Cái	2
56	Vòng bi 2: NJ 2320EM	Cái	2
57	Vòng bi 22220 CA/W33	Vòng	2
58	Vòng bi 22224 CA/W33	Vòng	2
59	Vòng bi 22224CA/W33	Vòng	2
60	Vòng bi 22228 CA/W33 (ru lô dẫn hướng đối trọng)	vòng	2
61	Vòng bi 22228/W33	Vòng	4
62	Vòng bi 22228CA/W33	Cái	4
63	Vòng bi 22232CA/W33	Vòng	2
64	Vòng bi 22236CA/W33	Vòng	4
65	Vòng bi 22240CA/W33	Cái	2
66	Vòng bi 22318 CA/C3W33	Vòng	2
67	Vòng bi 22332CA/W33	Cái	2
68	Vòng bi 22348CA/W33	Cái	2
69	Vòng bi 32322/C3	Cái	2
70	Vòng bi 6024 SKF	Cái	1
71	Vòng bi 6030 SKF	Cái	1
72	Vòng bi 6222/Z1 SKF	Cái	1
73	Vòng bi Nu 220EM SKF	Cái	1
74	Vòng bi Nu 222EM SKF	Cái	1
75	Vòng bi SKF 6312/C3	Cái	4
76	Vòng bi SKF 6313/C3	Cái	4
77	Vòng bi: SKF 6004Z	Cái	2
78	Xích lai cụm truyền động SKF 160x2-10FT	m	12

II. Một số nội dung liên quan của báo giá:

- Đề nghị Quý Công ty cung cấp báo giá ghi rõ số lượng, quy cách, mã hiệu, hãng, nước sản xuất, giá trị tiền hàng, đồng tiền chào giá là tiền Việt Nam Đồng, các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển, điều kiện thanh toán, thời gian bảo hành, thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng.

- Thời hạn sử dụng hàng hóa dự kiến năm 2025.